TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày 06-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng -Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân quận D và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Nhà Tạm giữ Công an quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2024/TLST- HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2024/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1993, tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: Số 84 Khu 2, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Ngõ 20 C, phường N, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Hoàng Thị T; có vợ là Nguyễn Thị P; chưa có con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Bị đưa vào Trường Giáo dưỡng số 2, Cục C10, Bộ Công an theo Quyết định 1671 ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng, về hành vi "Trộm cắp tài sản", thời gian giáo dưỡng là 24 tháng, chấp hành xong ngày 01 tháng 3 năm 2011; bị tạm giữ ngày 10 tháng 7 năm 2024, đến ngày 16 tháng 7 năm 2024 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn H, sinh năm 1996, tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Xóm 5, thôn Đồng Hội, xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị V; chưa có vợ con;

tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án chưa được xóa án tích là Bản án số 49/2023/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2023 (Theo bản án này bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 9 năm 2022 đến ngày ngày 15 tháng 3 năm 2023 được trả tự do tại phiên tòa); bị tạm giữ ngày 10 tháng 7 năm 2024, đến ngày 16 tháng 7 năm 2024 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T2 và anh Hoàng Văn T1, đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 25 phút ngày 10/7/2024 Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16P9 - 5860 mượn của anh Đặng Văn T4 đi từ nhà trọ tại ngõ 20 C, phường N, quận A, thành phố Hải Phòng đến khu vực ngã 5, quận A đón Phạm Văn H đi từ Hải Dương sang theo lịch hẹn trước giữa hai người. Khi gặp nhau T rủ Huy góp tiền mua ma tuý về sử dụng, H đồng ý và đưa cho T 100.000 đồng còn T bỏ ra 100.000 đồng. Sau đó T điều khiển xe mô tô kiểm soát 16P9 - 5860 chở H đi đến khu vực tổ dân phố L, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Khi gần đến nơi T bảo H xuống xe đứng chờ còn T điều khiển xe mô tô đi đến khu vực bến xe M thuộc quận A, thành phố Hải Phòng mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy được đựng trong 01 túi nilon màu trắng, kích thước 02 cm x 2,5cm bên trong có chứa nhiều tinh thể màu trắng với giá 200.000 đồng. T cầm gói ma túy vào trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô quay lại đón H. Gặp lại H T nói: "mua được ma túy rồi". Đến khoảng 14 giờ 25 phút cùng ngày khi T đang điều khiển xe mô tô chở H đi tìm nơi sử dụng, cách chỗ H đứng đợi khoảng 500 mét thì bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra, T vứt gói ma túy đang cầm trong lòng bàn tray trái xuống đường gần vị trí xe mô tô. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng là 01 túi nilon màu trắng kích thước 02 cm x 2,5 cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá và 01 xe mô tô biển kiểm soát 16P9 – 5860 là phương tiện T dùng để chở H đi mua ma túy.

Ngày 11/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T và Phạm Văn H nhưng không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Kết luận giám định số 883/KL-KTHS (MT) ngày 15/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: "Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,21 gam, loại Methamphetamine".

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D, Phạm Văn T và Phạm Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về vật chứng của vụ án, hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận D đang quản lý: 01 phong bì niêm phong số 883/MT/PC09 chứa số ma túy còn lại sau giám định.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 16P9 – 5860, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Đặng Văn T4. Anh T4 cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D đã trả lại xe cho anh T4.

Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông đã bán ma túy cho Phạm Văn T và Phạm Văn H tại khu vực Bến xe M, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng vào trưa ngày 10/7/2024 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 10/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố Phạm Văn T và Phạm Văn H cùng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Toàn bộ những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đề nghị áp dụng các điều 55, 56, 65 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo theo Bản án số 49/2023/HSST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hà Nội. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Phạm Văn H phải chấp hành là từ 33 tháng tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2024 và trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 9 năm 2022 đến ngày ngày 15 tháng 3 năm 2023 của bản án trước; đề nghị không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa: Toàn bộ những người này đều đã có lời khai trong quá trình điều tra, những lời khai này đã được Cơ quan điều tra thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung:

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/7/2024, tại khu vực tổ dân phố L, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn T và Phạm Văn H đã có hành vi cất giấu trái phép 0,21 gam chất ma túy (loại Methamphetamine) trong lòng bàn tay trái của T với mục đích để cùng sử dụng nên cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 10/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Ngoài ra bị cáo Phạm Văn H có bố đẻ là ông Phạm Văn P là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Theo Bản án số 49/2023/HSST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội, bị cáo Phạm Văn

H bị xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày 15/3/2023 về tội "Tổ chức đánh bạc". Theo Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo chưa được xóa án tích. Do vậy lần phạm tội này của bị cáo được xác định là "tái phạm" và bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về việc tổng hợp hình phạt của các bản án đối với bị cáo Phạm Văn H. Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên cần áp dụng các điều 55, 56 và 65 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung của hai bản án đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo Phạm Văn T bị đưa vào Trường Giáo dưỡng số 2, Cục C10, Bộ Công an theo Quyết định 1671 ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng, về hành vi "Trộm cắp tài sản", thời gian giáo dưỡng là 24 tháng, chấp hành xong ngày 01/3/2011. Bị cáo Phạm Văn H đã từng được hưởng sự khoan hồng của nhà nước, được chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo. Các bị cáo đều đã được giáo dục, cải tạo một thời gian dài nhưng không rút ra bài học cho bản thân, vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo còn rất nhiều hạn chế.

[8] Vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định vai trò của các bị cáo trong vụ án này là tương đương nhau.

[9] Về hình phạt đối với các bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta. Tệ nạn ma túy đã và đang là hiểm họa lớn, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, làm băng hoại các giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và còn là nguyên nhân, tiền đề làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử phạt bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và cần cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định là "Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ trái phép". Do vậy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của

Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 16P9 – 5860, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là Đặng Văn T4. Anh T4 cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D đã trả lại xe cho anh T4 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông đã bán ma túy cho Phạm Văn T và Phạm Văn H tại khu vực Bến xe M, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng vào trưa ngày 10/7/2024 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục điều tra để xử lý sau là phù hợp.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật áp dụng, tội danh và mức hình phạt:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và xử phạt bị cáo 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 10 tháng 7 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và xử phạt bị cáo 27 (hai mươi bẩy) tháng tù. Áp dụng các điều 55, 56, 65 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp với hình phạt 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 49/2023/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hà Nội. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Phạm Văn H phải chấp hành là 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 9 năm 2022 đến ngày 15 tháng 3 năm 2023 theo Bản án số 49/2023/HSST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hà Nội.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,16 gam Methamphetamine còn lại sau giám định được chứa trong 01 phong bì niêm phong số 883/MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận D;
- CA quận D;
- Chi cục THADS quận D;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyến